

TÒA ÁN NHÂN DÂN  
THÀNH PHỐ BẾN CÁT  
TỈNH BÌNH DƯƠNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 78/2024/HNGĐ-ST

Ngày: 16 – 8 – 2024

V/v: “Ly hôn”

NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ BẾN CÁT, TỈNH BÌNH DƯƠNG

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Nguyễn Thị Thúy Nga

*Các Hội thẩm nhân dân:*

- Ông Lương Thanh Nhàn
- Bà Nguyễn Kim Lý

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Bùi Thị Hương Giang – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Bến Cát, tỉnh Bình Dương.

Ngày 16 tháng 8 năm 2024, tại Phòng xử án - Tòa án nhân dân thành phố Bến Cát, tỉnh Bình Dương, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 271/2024/TLST-HNGĐ ngày 02 tháng 4 năm 2024, về việc: “Ly hôn”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 228/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 15 tháng 7 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 135/2024/QĐST-HNGĐ ngày 07/8/2024, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Huỳnh Thị T, sinh năm: 1987; địa chỉ thường trú: Số nhà 31/11, khu phố T, phường T, thành phố D, tỉnh Bình Dương; địa chỉ liên lạc: Tổ 1, ấp P, xã P, thành phố B, tỉnh Bình Dương.

Bị đơn: Ông Nguyễn Văn C, sinh năm: 1984; địa chỉ thường trú: Số nhà 31/11, khu phố T, phường T, thành phố D, tỉnh Bình Dương; địa chỉ liên lạc: Tổ 1, ấp P, xã P, thành phố B, tỉnh Bình Dương,

(Bà T, ông C vắng mặt)

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Theo Đơn khởi kiện ngày 06/3/2024, bản tự khai đề ngày 09/4/2024, nguyên đơn bà Huỳnh Thị T trình bày:

Về hôn nhân: Bà và ông C tìm hiểu nhau hơn một năm thì tự nguyện tiến tới hôn nhân, được Ủy ban nhân dân xã Q, huyện Q, tỉnh Thừa Thiên Huế cấp

giấy chứng nhận kết hôn ngày 15/7/2009, theo giấy chứng nhận kết hôn số 27/2009, quyển số 01. Thời gian đầu chung sống vợ chồng hòa thuận. Mâu thuẫn trầm trọng từ 2023 do nhiều nguyên nhân. Nguyên nhân đầu tiên là do vợ chồng kết hôn đã lâu nhưng không có con chung, cũng không thống nhất được quan điểm trong việc tìm phương pháp sinh con. Nguyên nhân thứ hai là do ông C có tính gia trưởng, mỗi lần bất hòa là xúc phạm bà và cha mẹ bà, thậm chí còn đánh bà, đuổi bà đi và không cho về nhà. Bà phải bỏ việc, về quê tại Bình Định sinh sống. Thời gian không chung sống, bà và ông C không ai có biện pháp hàn gắn đoàn tụ. Nhận thấy mâu thuẫn vợ chồng không thể giải quyết được, bà cũng không còn muốn tiếp tục đời sống hôn nhân với ông C nên đề nghị Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn với ông Nguyễn Văn C.

Về con chung: Bà và ông C không có con chung.

Về tài sản chung: Không tranh chấp, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung, nợ riêng: Vợ chồng không có nợ chung, nợ riêng.

*Đối với bị đơn ông Nguyễn Văn C:* Tòa án đã tiến hành tổng đạt các văn bản tố tụng, triệu tập hợp lệ nhưng ông C vắng mặt không có lý do trong suốt quá trình tố tụng tại Tòa án cũng như tại phiên tòa. Ông C cũng không có văn bản trình bày ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn gửi cho Tòa án.

#### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

*Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:*

[1] Về tố tụng:

[1.1] Ngày 02/4/2024 Tòa án nhân dân thị xã Bến Cát (nay là thành phố Bến Cát) thụ lý vụ án “Ly hôn” giữa nguyên đơn bà Huỳnh Thị T và bị đơn ông Nguyễn Văn C. Giữa bà T và ông C không có con chung, vụ án không liên quan đến người chưa thành niên nên Tòa án không thu thập tài liệu, chứng cứ để xác định nguyên nhân của việc phát sinh tranh chấp, theo quy định tại khoản 3 Điều 208 Bộ luật tố tụng dân sự; bị đơn ông C có nơi cư trú rõ ràng; nội dung bản tự khai của bà T đầy đủ, rõ ràng. Do trong vụ án này Tòa án không tiến hành thu thập chứng cứ nên Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Bến Cát không tham gia phiên tòa, theo quy định tại khoản 2 Điều 21 Bộ luật tố tụng dân sự.

[1.2] Nguyên đơn có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, bị đơn đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng và giấy triệu tập để tham gia phiên tòa, tuy nhiên vắng mặt lần thứ hai tại phiên tòa không có lý do. Do đó, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn và bị đơn theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung: Bà T và ông C có đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân xã Q, huyện Q, tỉnh Thừa Thiên Huế cấp giấy chứng nhận kết hôn theo Giấy chứng nhận kết hôn số 27/2009, ngày 15/7/2009. Hôn nhân giữa bà T và ông C

đáp ứng điều kiện kết hôn theo quy định tại Điều 9 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2000 nên xác định hôn nhân giữa bà T và ông C là hôn nhân là hợp pháp. Ngày 06/3/2024 bà T có đơn xin ly hôn với ông C, tại thời điểm yêu cầu ly hôn thì Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 có hiệu lực. Do đó cần áp dụng quy định của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 làm căn cứ xem xét, giải quyết yêu cầu của bà T.

Hội đồng xét xử xét thấy, ông C đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng vẫn vắng mặt trong suốt quá trình tố tụng cũng như tại phiên tòa, điều đó cho thấy ông C không còn quan tâm đến đời sống hôn nhân giữa ông và bà T, không có thiện chí hàn gắn, đoàn tụ với bà T. Ông C cũng không cung cấp ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, không cung cấp tài liệu chứng cứ cho Tòa án. Ông C và bà T đã không còn chung sống. Như vậy có căn cứ xác định mâu thuẫn giữa ông C và bà T đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được nên cần chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của bà T, theo quy định tại Điều 51 và Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

[3] Về con chung: Bà T và ông C không có con chung.

[4] Về tài sản: Đương sự không tranh chấp nên không giải quyết.

[5] Về nghĩa vụ tài sản: Bà T khai không có nợ chung, nợ riêng.

[7] Về án phí: Bà T phải chịu án phí đối với yêu cầu ly hôn theo quy định.

[8] Các đương sự được quyền kháng cáo theo quy định pháp luật.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ khoản khoản 2 Điều 21; khoản 3 Điều 208; khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 1 Điều 228; Điều 235 và Điều 266 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Áp dụng các Điều 9, 11, 12, 14 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2000; Các Điều 51, 56, 57 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý, sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

#### **Tuyên xử:**

Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Huỳnh Thị T, về việc: “Ly hôn”, với bị đơn ông Nguyễn Văn C.

1. Về hôn nhân: Cho ly hôn giữa bà Huỳnh Thị T và ông Nguyễn Văn C.

Quan hệ hôn nhân giữa bà Huỳnh Thị T và ông Nguyễn Văn C chấm dứt kể từ ngày Bản án có hiệu lực pháp luật.

2. Về nghĩa vụ tài sản: Bà T khai không có, không xem xét giải quyết.

3. Về tài sản: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. Về án phí: Bà Huỳnh Thị T phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm, được khấu trừ 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu số: 0000771 ngày 14/3/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Bến Cát (nay là thành phố Bến Cát), tỉnh Bình Dương. Bà T đã nộp đủ án phí.

5. Nguyên đơn, bị đơn được quyền làm đơn kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày Bản án được cấp, tổng đạt hoặc được niêm yết theo quy định. Thời hạn kháng nghị của Viện Kiểm sát được tính từ ngày Viện Kiểm sát cùng cấp nhận được bản án.

**Nơi nhận:**

- TAND tỉnh Bình Dương;
- VKSND tỉnh Bình Dương;
- VKSNDTp. Bến Cát;
- Chi cục THADSTp. Bến Cát;
- UBND xã Quảng Thọ, H. Quảng Điền,  
T. Thừa Thiên Huế (Số 27/2009, quyền số:  
01, ngày 15/7/2009 (khi có hiệu lực);
- Các đương sự;
- Lưu: Hồ sơ, VT.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Nguyễn Thị Thúy Nga**